

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-PT
Ngày 03 - 7- 2020
V/v “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 03 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 760/2020/QĐ - PT ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bảo C, Luật sư, Văn phòng Luật sư Bảo C, Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt khi xét xử và xin phép vắng mặt khi tuyên án.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đại T- Chủ tịch UBND huyện L, vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Tuấn Ph- Chánh thanh tra Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình, theo giấy uỷ quyền số 1094/GUQ- UBND ngày 09/6/2020, có mặt.

3. Người có quyền lợi liên quan:

Ông Nguyễn Đình H1 và anh Nguyễn Đình C;

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Ông H1 có mặt, anh C vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Đình H1, anh Nguyễn Đình C: Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, theo giấy uỷ quyền ngày 19/8/2019 và giấy uỷ quyền ngày 18/7/2019, có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Quang Th- Chủ tịch UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Ngô Thiên Ng- Trưởng thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Thực hiện chủ trương bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển do, gia đình bà H là đối tượng được giải quyết bồi thường thiệt hại, nhưng trong quá trình kê khai tại địa phương (cụ thể là Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình), mặc dù đã kê khai nhưng gia đình bà Nguyễn Thị H không được hưởng chế độ bồi thường về tàu thuyền và lao động trực tiếp trên biển mà lại hưởng kê khai của người lao động trong khai thác thủy sản đơn giản bốc vác, chở thuê, sơ chế hàng thủy sản bị mất việc làm không có thu nhập. Do có khiếu nại của gia đình bà H nên Ủy ban nhân dân (UBND) xã N đã ban hành Quyết định số 31/QĐ- UBND ngày 24/02/2017 không chấp nhận khiếu nại đền bù thiệt hại do sự cố môi trường biển của ông Nguyễn Đình H1 (chồng bà H), ông Nguyễn Đình C (con bà H) và bà Nguyễn Thị H, với lý do không có tên trong danh sách thiệt hại về khai thác hải sản. Gia đình bà đã tiếp tục khiếu nại và ngày 31/7/2017 UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 3363/QĐ-UBND: Không công nhận nội dung khiếu nại của bà về việc gia đình bà có tàu đánh bắt hải sản; ông H1 và ông C không phải là lao động trực tiếp trên biển. Việc bà cho rằng bản kê khai của ông H1, ông C trong khai thác thủy sản đơn giản bốc vác, chở thuê, sơ chế hàng thủy sản bị mất việc làm không có thu nhập gửi UBND xã N vào ngày 26/8/2016 là do cán bộ xã tự ý kê khai là không có cơ sở và khẳng định Quyết định số 31/QĐ- UBND ngày 24/02/2017 của UBND xã N về việc giải quyết đơn khiếu nại đền bù thiệt hại do sự cố môi trường biển của ông H1, ông C là đúng.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện L, ngày 02/01/2018 ông H1 và ông C đã làm đơn xin được giám định chữ ký tại bản kê khai. Tại bản giám định của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận: Chữ ký tại bản kê khai đối với người lao động của ông H1 và ông C không phải của hai ông. Sau khi có kết quả giám định, bà H tiếp tục làm đơn khiếu nại đến UBND huyện Lệ Thủy, ngày 04/6/2018 UBND huyện L ban hành Quyết định số 2336/QĐ- UBND huỷ quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND huyện L với lý do: Căn cứ kết quả giám định của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an thì bản kê khai đề ngày 26/8/2016 của ông Nguyễn Đình

H1 và Nguyễn Đình C mà UBND xã N làm căn cứ để xét bồi thường do Công ty TNHH Hưng Hiệp FOMOSA gây ra không phải do ông H1, ông C tự kê khai mà người khác viết thay và ký tên. Sau đó gia đình bà H được nộp bản kê khai để nhận số tiền gồm: Tiền bồi thường về thuyền 64.020.000đồng; tiền mất thu nhập đối với đối tượng lao động đánh bắt trên biển 71.520.000đồng (02 người là ông H1 và ông C).

Để có được kết quả giám định nêu trên làm căn cứ cho UBND huyện Lệ Thủy ban hành quyết định mới, theo bà H thì bà cùng với ông H1, ông C phải bỏ ra chi phí đi Hà Nội nhiều lần với tổng chi phí là 175.000.000đồng, cụ thể:

1. Ngày 19/6/2017 đến ngày 21/7/2017:
 - Tiền xe 03 người đi, về: 250.000đồng/1 người = 1.500.000đồng;
 - Tiền ăn ở 03 người: 150.000đồng/1 người = 14.400.000đồng;
 - Taxi: 500.000đồng.
2. Ngày 19/12/2017 đến ngày 25/12/2017:
 - Tiền xe 03 người đi, về: 250.000đồng/1 người = 1.500.000đồng;
 - Tiền ăn ở 03 người: 150.000đồng/1 người = 3.150.000đồng;
 - Taxi: 500.000đồng.
3. Ngày 27/12/2017 đến ngày 26/01/2018 giám định chữ ký tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an:
 - Tiền xe 03 người đi, về: 250.000đồng/1 người = 1.500.000đồng;
 - Tiền ăn ở 03 người: 150.000đồng/1 người = 13.000.000đồng;
 - Taxi: 500.000đồng.
4. Ngày 02/3/2018 đến ngày 06/3/2018, đi lấy kết quả Giám định chữ ký tại Viện khoa học hình sự- Bộ Công an:
 - Tiền xe 03 người đi, về: 250.000đồng/1 người = 1.500.000đồng;
 - Tiền ăn ở 03 người: 1.500đồng/1 người = 2.250.000đồng
 - Taxi: 500.000đồng
 - Tiền chi phí giám định: 3.300.000đồng;
 - Số tiền mất thu nhập do đi lại: 132.000.000đồng.

Tổng số tiền chi phí nêu trên là: 175.000.000đồng. Do UBND huyện L ban hành Quyết định số 3363/QĐ- UBND ngày 31/7/2017 gây thiệt hại cho gia đình bà, nên bà khởi kiện yêu cầu UBND huyện L phải bồi thường tổng số tiền thiệt hại cho gia đình bà là 175.000.000 đồng như đã kê khai nêu trên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn UBND huyện L trình bày:

Đối với nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường về thuyền và lao động trên thuyền đối với ông H1 và ông C. Quá trình xem xét UBND huyện L nhận thấy: Tại tờ kê khai của ông H1 và ông C thể hiện là lao động bốc vác và qua xác minh Đoàn thanh tra UBND huyện L cho thấy, thời điểm xảy ra sự cố môi trường biển từ tháng 4/2016 đến tháng 9/2016 gia đình bà H không có tàu. Vì vậy, việc bà cho rằng chồng và con mình là lao động trực tiếp đi trên tàu của gia đình là không đúng (thuyền củ đã bán cho ông Ngô Quang Tr ở Thôn T từ cuối năm 2015, thuyền mới được đóng vào cuối năm 2016, tại thời điểm kê khai tàu thuyền vào ngày 04/9/2016 của thôn Thượng Hải gia đình không có tàu thuyền). Tuy nhiên, đến tháng 3/2018 bà H cung cấp

kết quả giám định khẳng định chữ ký trong bản kê khai lao động bốc vác của ông H1 và ông C không phải do ông H1, ông C kê khai. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho công dân, ngày 04/6/2018 UBND huyện L ban hành Quyết định số 2336/QĐ-UBND về việc huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 3363/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND huyện L và giao trách nhiệm cho Chủ tịch UBND xã N hướng dẫn ông H1 và ông C thực hiện việc kê khai lại và tiến hành các bước để xét bồi thường cho ông H1 và ông C đúng quy định.

Ngày 22/11/2018, UBND huyện đã có Quyết định số 5758/QĐ-UBND về việc trích từ nguồn kinh phí bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn xã N với số tiền 64.020.000đồng để bồi thường về thuyền cho ông H1 và Quyết định số 5759/QĐ-UBND về việc trích từ nguồn kinh phí bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn xã N với số tiền 109.800.000đồng để bồi thường về lao động cho 06 trường hợp, trong đó có ông H1 và ông C mỗi người được bổ sung 18.300.000đồng. Tổng cộng đến tháng 11/2018, gia đình bà H (gồm ông H1 và ông C) đã nhận được số tiền gồm các khoản sau: Tiền bồi thường về thuyền 64.020.000đồng; Tiền mất thu nhập đối với đối tượng lao động đánh bắt trên biển 71.520.000 đồng (02 người).

Đối với yêu cầu bồi thường của bà H, UBND huyện nhận thấy việc tổ chức kê khai bồi thường sự cố môi trường biển là trách nhiệm của thôn và xã, đối với việc bản kê khai của ông H1, ông C không phải do ông H1 và ông H1 ký tên nhưng đến nay chưa xác định được ai là người ký vào bản kê khai này; nếu có việc bồi thường ngoài hợp đồng thì đề nghị bà H xác định người làm giả bản kê khai để yêu cầu bồi thường. Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại UBND huyện nếu có việc bồi thường thì phải thực hiện theo quy định về Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, thì yêu cầu bồi thường của bà H không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính. Vì vậy, UBND huyện không có cơ sở để thực hiện việc bồi thường thiệt hại đối với các chi phí mà bà H yêu cầu. Đề nghị Toà án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình H1 trình bày: Ngày 02/8/2019, quá trình giải quyết và tại phiên toà có chung ý kiến với bà H như sau: Gia đình ông có tàu thuyền đánh bắt thủy sản và lao động trực tiếp trên tàu, được UBND huyện L và Phòng nông nghiệp huyện L cấp giấy phép đăng ký tàu cá. Do sự cố môi trường biển nên gia đình ông được diện đền bù, hỗ trợ sự cố môi trường biển. Ngày 26/8/2016 khi kê khai hồ sơ đền bù thì UBND xã N và UBND huyện L giả mạo chữ ký rồi đưa ông C và ông H1 xuống mức lao động gián tiếp, để UBND xã N và UBND huyện L làm cơ sở xét bồi thường cho gia đình ông. Để chứng minh hai chữ ký đó không phải của ông H1 và ông C nên gia đình ông đã ra Hà Nội đến tại Viện khoa học hình sự- Bộ Công an xin giám định chữ ký và ngày 01/3/2018 Viện khoa học hình sự- Bộ Công an đã trả lời tại Công văn số 325-C54-P5 với nội dung: “Chữ ký của ông H1 và ông C tại bản kê khai về người lao động và tại chữ ký yêu cầu giám định không phải cùng

một người viết ra. Để có được kết quả trên nên bà H cùng ông H1, ông C phải đi ra Hà Nội nhiều lần. Tổng số tiền chi phí 175.000.000đồng. Sau đó gia đình mới được nộp bản kê khai lại để nhận số tiền gồm: Tiền bồi thường về thuyền 64.020.000đồng; tiền mất thu nhập đối với đối tượng lao động đánh bắt trên biển 71.520.000đồng (hai người cả ông H1 và ông C). Vì vậy, ông H1 đồng ý với yêu cầu của vợ là bà H buộc UBND huyện L phải bồi thường số tiền 175.000.000đồng tiền chi phí giám định, đi lại của ngày 31/7/2017 gây thiệt hại cho gia đình ông.

Ông Nguyễn Đình C (là con trai bà H) do đã có văn bản uỷ quyền cho bà H tham gia tố tụng nên không có văn bản riêng trình bày ý kiến.

Những người làm chứng: Ông Nguyễn Quang Th- Chủ tịch UBND xã và bà Nguyễn Thị Thu H - Cán bộ phụ trách nông nghiệp UBND xã N trình bày: Liên quan đến thủ tục, quy trình trong việc lập danh sách để có căn cứ bồi thường thiệt hại thì UBND xã N cùng với thôn T, xã N tổ chức cuộc họp với các hộ dân phổ biến, quán triệt việc thực hiện, sau đó giao cho Trưởng thôn N là ông Ngô Thiên Ng. Liên quan đến chữ ký của ông H1 và ông C thì UBND xã N không xác định được ai là người đã ký vào phiếu kê khai. Bởi vì, trên thực tế khi Trưởng thôn phát phiếu cho hộ gia đình bà H thì chính một trong những người trong gia đình bà H đã ký thay cho ông H1 và ông C, nên UBND xã không thể nhận định được ai là người đã ký vào bản kê khai đó, vì hộ dân rất đông UBND xã không kiểm soát được. Sau khi có Quyết định hướng dẫn của UBND huyện L thì UBND xã N đã tạo điều kiện cho gia đình bà H được kê khai bổ sung về các thủ tục và hiện nay gia đình bà H đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường theo chế độ quy định. Việc bà H đi giám định chữ ký của ông C và ông H1, UBND xã N không hề biết. Bà H cũng không có thông báo hay kiến nghị gì đối với UBND xã nên UBND xã không biết việc bà H khởi kiện tại Toà án để yêu cầu bồi thường về việc bà đi giám định chữ ký.

Ông Ngô Thiên Ng, Trưởng thôn T, xã N, huyện L trình bày: Năm 2016 ông Ng là Trưởng thôn T và là thành viên của tổ kê khai rà soát việc phát phiếu cho các hộ dân để được hưởng bồi thường về sự cố Fomusa, thành viên tổ đã thông báo đến các hộ dân và đã phát phiếu kê khai, các hộ gia đình nhận phiếu và có trách nhiệm ký đầy đủ cho từng thành viên của hộ gia đình, sau đó nộp lại cho trưởng thôn. Trên thực tế lúc phát phiếu kê khai đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H1 thì thôn đã phát phiếu cho em gái của anh Nguyễn Đình C và vợ anh C là chị Nguyễn Thị L trực tiếp nhận phiếu, còn khi ký vào bản kê khai thì không xác định được ai là người đã kê khai và ký vào bản kê khai đó. Bởi vì, việc nhận phiếu, điền thông tin vào bản kê khai, ký vào bản kê khai đó là trách nhiệm của từng hộ gia đình. Lúc giao nộp lại phiếu thì không có sửa đổi, bổ sung gì. Tôi nhận phiếu và chuyển đến cán bộ phụ trách xã N để hoàn thành công việc. Sau khi hộ gia đình bà H được kê khai bổ sung, tiếp đó thì được UBND xã cử cán bộ phụ trách cùng với thôn tạo điều kiện để gia đình bà H kê khai bổ sung và hiện nay gia đình bà H đã nhận đủ số tiền theo chế độ quy định. Việc bà H đi giám định chữ ký của ông C và ông H1 thì chính quyền thôn không biết, không nắm bắt được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS- ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 584, Điều 589, Điều 597 Bộ Luật dân sự:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc Yêu cầu UBND huyện L, tỉnh Quảng Bình bồi thường thiệt hại số tiền 175.000.000đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

*Ngày 27/02/2020 bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H1 cùng có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để làm rõ phần yêu cầu của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoặc sửa bản án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện theo điểm b khoản 7 Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

*Ngày 28/02/2020 ông Nguyễn Đình C có đơn kháng cáo nhưng không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 23/6/2020, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo. Bà H cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng mà phải là bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước vì giữa bà UBND huyện L không có bất cứ hợp đồng nào.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu đề nghị Toà án tuyên hủy án sơ thẩm để làm rõ yêu cầu khởi kiện của bà H hoặc xem xét áp dụng điểm b khoản 2 Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để chấp nhận yêu cầu của bà H vì bà H đã chuyển từ việc khiếu nại sang tố cáo việc làm sai giả mạo chữ ký của ông H1, anh C.

Anh Nguyễn Đình C uỷ quyền cho bà H có ý kiến như nguyên đơn; UBND huyện L đề nghị không chấp nhận kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tranh chấp, xuất phát từ việc bà H yêu cầu UBND huyện L bồi thường do ra quyết định giải quyết khiếu nại không

đúng dẫn đến bà bỏ chi phí đi giám định (thiệt hại về kinh tế), Toà án huyện L đã xác định tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 598 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà H, ông H1 về việc yêu cầu huỷ án sơ thẩm để làm rõ các yêu cầu bồi thường hoặc sửa bản án sơ thẩm để buộc UBND huyện L phải bồi thường thiệt hại do UBND ra quyết định giải quyết khiếu nại sai dẫn đến việc bà phải bỏ ra các chi phí giám định chữ ký, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thực hiện công văn số 6851/BNN – TCTS ngày 12/8/2016 của Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn kê khai xác định thiệt hại do sự cố môi trường biển, UBND xã N đã triển khai kế hoạch kê khai đến từng hộ dân. Theo đó, các thôn phát phiếu kê khai cho các đối tượng bị thiệt hại. Theo khoản 1 Mục V Công văn số 6851/BNN- TCTS ngày 12/8/2016 thì người bị thiệt hại có nghĩa vụ phải kê khai thiệt hại. Nhà nước không có trách nhiệm phải kê khai thay người bị thiệt hại. Theo lời làm chứng của ông Khôi trưởng thôn thì tại thời điểm này, ông H1, bà H đi làm ăn xa nên con gái và con dâu bà H là người nhận phiếu kê khai. Chính quyền địa phương không buộc phải biết ai là người ký vào bản kê khai. Các hộ bị thiệt hại phải tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu trách nhiệm kê khai.

Khi biết được ông H1, anh C được xếp vào nhóm đối tượng lao động bốc vác trên tàu (theo bản khai) thay vì ông H1, anh C thuộc đối tượng người lao động trực tiếp trên tàu nên đã thực hiện việc khiếu nại. Tại thời điểm khiếu nại, người khiếu nại phải có nghĩa vụ chứng minh hai vấn đề: Một là ông H1 ông C chưa kê khai bồi thường, hai là gia đình ông H1 phải có tàu thuyền ngừng hoạt động do sự cố môi trường biển. Quá trình giải quyết khiếu nại, bà H thay mặt ông H1, anh C đã không chứng minh được hai vấn đề trên nên không được chấp nhận tại quyết định giải quyết khiếu nại lần hai. Đây là hậu quả do việc người khiếu nại không cung cấp chứng cứ đầy đủ trong quá trình giải quyết khiếu nại theo điểm b khoản 2 Điều 12 Luật giải quyết khiếu nại. Một trong ba căn cứ của việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là phải có hành vi trái pháp luật, phải có thiệt hại. Giữa thiệt hại và hành vi phải có mối quan hệ nhân quả mang tính quy luật, không phải là ngẫu nhiên. Bà H cho rằng, do Chủ tịch UBND huyện giải quyết khiếu nại sai nên buộc bà phải đi giám định để yêu cầu UBND huyện phải bồi thường là không có căn cứ. Ở đây việc bà H đi giám định chữ ký trong bản kê khai là nghĩa vụ của người đi khiếu nại để chứng minh cho khiếu nại của mình là có căn cứ, không phải là hậu quả của việc UBND huyện không công nhận khiếu nại của bà. Mặt khác, theo Điều 598 Bộ luật Dân sự 2015 thì nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước. Theo Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2018, (tương ứng với Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009) thì Quyết định giải quyết khiếu nại không phải thuộc một trong 14 Quyết định, Hành vi trái pháp luật thuộc phạm vi nhà nước phải bồi thường. Trong đơn kháng cáo, ông H1, bà H viện dẫn khoản 2 Điều 7 Luật Bồi thường nhà

nước để cho rằng có hành vi trái pháp luật (giả mạo chữ ký) và có thiệt hại thực tế (các chi phí giám định, chi phí ăn ở, đi lại yêu cầu giám định) nhưng không chứng minh được người thi hành công vụ đã giả mạo chữ ký của ông H1. UBND huyện L đã thụ lý khiếu nại về đối tượng đền bù, không thụ lý tố cáo hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức (vì người tố cáo không chỉ rõ cụ thể đối tượng có hành vi giả mạo chữ ký) là đúng quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo. Sau khi xem xét lại việc gia đình bà H chưa kê khai, UBND huyện L đã chỉ đạo UBND xã N cho gia đình bà H được kê khai và gia đình đã được bồi thường hỗ trợ đúng chế độ.

Từ những nhận định nêu trên thấy rằng, cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu UBND huyện L bồi thường nhà nước là đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông H1, bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm đã không viện dẫn đầy đủ các điều luật của Bộ luật Dân sự và Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước, Luật khiếu nại có liên quan đến việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 588, Điều 598 Bộ luật Dân sự; Điều 7, Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2018 (Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009); điểm b khoản 2 Điều 12 Luật khiếu nại; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Bà H, ông H1 phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ, nhưng được khấu trừ số tiền bà H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: AA/2017/0005995 ngày 09/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương